

Số:267/2026/QĐST-HNGĐ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Dân sự thụ lý số: 137/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/02/1985

Căn cước số 038085027795 do Bộ Công an cấp ngày 16/12/2024.

Địa chỉ: Số 4 đường B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 29/11/1985

Căn cước số 079185036568 do Bộ Công an cấp ngày 20/10/2025.

Địa chỉ: Số 4 đường B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 204; Quyển số: II/2010 do UBND phường L, quận Tân Bình (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2010 thì ông Nguyễn Ngọc N và bà Nguyễn Thị Hoài T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 02/10/2011 và Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 21/01/2017. Ly hôn, ông N, bà T thỏa thuận ông N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ M, bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ U, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình là 300.000đ do bà T tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc N và bà Nguyễn Thị Hoài T.

b/ Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 02/10/2011 cho ông Nguyễn Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Ngọc M đối với bà Nguyễn Thị Hoài T.

Giao trẻ Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 21/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Ngọc U đối với ông Nguyễn Ngọc N.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

d/ Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Hoài T tự nguyện chịu, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Hoài T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010866 ngày 05/02/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
 - VKSND khu vực 4 - Tp.Hồ Chí Minh;
 - Thị hành án Dân sự Tp.Hồ Chí Minh;
 - UBND P.H, Tp.Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Giấy CNKH số: 204; Quyển số: II/2010 ngày 22/12/2010;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai Hương